

Số: /KH-SYT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ, Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 03/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Kế hoạch số 540/KH-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ, Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 03/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 34-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 540/KH-UBND của UBND tỉnh*). Sở Y tế xây dựng kế hoạch như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 03/8/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nâng cao sức khỏe nhân dân; tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực phát triển toàn diện hệ thống y tế; tăng cường phối hợp với các địa phương trong Vùng trong công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ quan, đơn vị cần phải bám sát Nghị quyết số 96/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 34-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 540/KH-UBND của UBND tỉnh; các chỉ thị, nghị quyết chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tình hình thực tiễn của địa phương để xác định lộ trình, cách làm phù hợp đảm bảo đạt hiệu quả, chất lượng các mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng phát triển y tế tỉnh Bắc Giang từng bước hiện đại, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình; đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Phấn đấu để mọi người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực. Xây dựng và phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở và kiểm soát bệnh tật đủ năng lực phát hiện sớm, không chểnh mảng thời dịch bệnh, kiểm soát các yếu tố nguy cơ phổ biến ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Tăng cường phối hợp với các địa phương trong Vùng trong công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh. Ngoài mục tiêu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong tỉnh, ngành y tế Bắc Giang còn đảm nhận việc khám chữa bệnh cho nhân dân các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng.

2. Các chỉ tiêu cơ bản đến năm 2030

(Chi tiết tại Phụ lục số I).

3. Tầm nhìn đến năm 2045:

Đến năm 2045, hệ thống y tế tỉnh Bắc Giang được hoàn thiện, hiện đại, phù hợp với quy hoạch phát triển vùng; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố vững chắc; y tế chuyên sâu phát triển ngang tầm với các thành phố lớn. Kết hợp hài hòa giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò nòng cốt; mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản có chất lượng cao. Mọi người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, đáp ứng yêu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện

Tập trung nghiên cứu, quán triệt các nội dung Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 96/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 34-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cơ quan, đơn vị trực thuộc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ trong sự phát triển chung của cả nước cũng như vị trí, vai trò và trách nhiệm của ngành y tế trong sự phát triển chung của vùng.

Trưởng các phòng và tương đương thuộc Sở, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị trực thuộc Sở phải thực hiện trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, đổi

mới tư duy, dám nghĩ, dám làm và phải có quyết tâm chính trị cao trong việc triển khai thực hiện. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát và phải chịu trách nhiệm việc thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách. Thường xuyên tuyên truyền, vận động Nhân dân tăng cường đoàn kết, đồng thuận, giám sát, phản biện xã hội; kịp thời biểu dương, động viên các điển hình tiên tiến, tạo sức lan tỏa. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, quyết tâm thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này, góp phần thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra.

2. Tiếp tục kiện toàn hệ thống y tế

2.1. Đối với hệ thống cơ sở y tế công lập:

Tiếp tục kiện toàn hệ thống y tế công lập từ tỉnh đến cơ sở, phát triển mạng lưới y tế ngoài công lập. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước thông qua đổi mới cơ chế quản lý, phát huy tính năng động, sáng tạo của cơ sở y tế trong việc huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, góp phần nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Hệ thống mạng lưới cơ sở y tế công lập đến năm 2030 gồm:

* *Sở Y tế*: Là cơ quan chuyên môn, tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về y tế.

* *Các cơ quan thuộc Sở Y tế*: Duy trì mô hình hoạt động 02 cơ quan Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

* *Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế*:

- *Tuyên tỉnh*:

+ Cơ sở khám chữa bệnh: Giai đoạn 2021 - 2025 (gồm: 08 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Ung bướu; 01 Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải; Thành lập Trung tâm cấp cứu 115); Giai đoạn 2025 - 2030 (Thành lập Bệnh viện Lão khoa; Sáp nhập Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải vào Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang)

+ Cơ sở y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật gồm: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp tỉnh.

+ Cơ sở kiểm nghiệm: Trung tâm Kiểm nghiệm.

- *Tuyên huyện*:

+ Có 09 Trung tâm Y tế huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang, Yên Thế, Tân Yên, Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng. Mỗi Trung tâm Y tế thực hiện đa chức năng: Khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y tế dự phòng, dân số và các dịch vụ y tế khác.

+ Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang: Hiện tại thực hiện 02 chức năng gồm y tế dự phòng và dân số. Giai đoạn 2022 - 2025: Thành lập Phòng khám đa

khoa để thực hiện khám, chữa bệnh ngoại trú, hình thành trung tâm y tế đa chức năng; Giai đoạn 2026-2030: Thành lập Trung tâm Y tế đa chức năng thực hiện các nhiệm vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y tế dự phòng, dân số và các dịch vụ y tế khác.

+ Phòng khám đa khoa khu vực: Duy trì hoạt động 01 phòng khám đa khoa khu vực Mỏ Trạng (Yên Thế).

- Tuyển xã: Bao gồm 209 trạm y tế xã/phường/thị trấn và duy trì 100% thôn/bản/tổ dân phố có nhân viên y tế hoạt động.

2.2. Đối với hệ thống y tế ngoài công lập:

Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân; trong đó ưu tiên phát triển các bệnh viện ngoài công lập (bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa) chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại, được bố trí tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới, cạnh các khu công nghiệp.

Các huyện, thành phố bố trí sẵn quỹ đất để thu hút đầu tư bệnh viện ngoài công lập, phấn đấu đến năm 2030 số giường bệnh ngoài công lập đạt trên 2.130 giường bệnh.

3. Phát triển nhân lực y tế

3.1. Đào tạo nguồn nhân lực y tế:

Phát triển nguồn nhân lực y tế, song song với sử dụng và quản lý có hiệu quả nguồn nhân lực y tế. Tăng cường đào tạo cơ bản, đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân. Trong thời kỳ 2021 - 2030, tập trung các hình thức đào tạo sau:

- *Đào tạo kỹ thuật mới, chuyên sâu:*

Đối tượng áp dụng là viên chức có trình độ chuyên môn y, dược hoặc trình độ chuyên môn khác, trực tiếp phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, vật lý trị liệu, y học dự phòng, dinh dưỡng, kiểm nghiệm.

- *Đào tạo trình độ sau đại học (chuyên khoa I, chuyên khoa II, thạc sĩ):*

Đối tượng là công chức, viên chức là bác sỹ đang công tác tại cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh đi đào tạo đúng các chuyên ngành đang làm việc; các viên chức là bác sỹ công tác tại trạm y tế xã, phường, thị trấn đi đào tạo chuyên ngành nội khoa, y học gia đình, y học dự phòng; các viên chức là dược sỹ đại học đi đào tạo chuyên ngành dược lâm sàng. Trong đó: Khuyến khích viên chức là bác sỹ công tác tại tuyến xã đi đào tạo chuyên ngành y học gia đình để triển khai mô hình trạm y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình trên địa bàn tỉnh.

- *Đào tạo liên thông trình độ bác sỹ:* Đối tượng là các y sỹ đang làm việc tại trạm y tế xã, phường, thị trấn hoặc tại các chuyên ngành truyền nhiễm, lao, tâm thần, HIV/AIDS, giải phẫu bệnh, pháp y, kiểm soát nhiễm khuẩn của các cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh, tuyến huyện.

- *Thu hút nhân lực*: Đối tượng là bác sỹ nội trú hoặc bác sỹ thi đỗ bác sỹ nội trú hoặc bác sỹ đang học bác sỹ nội trú các chuyên ngành lâm sàng.

Phát triển nhân lực y tế đảm bảo đạt các chỉ tiêu cơ bản: Đạt 12,5 bác sỹ/10.000 dân vào năm 2025 và 15 bác sỹ/10.000 dân vào 2030. Đạt 2,8 dược sỹ đại học/10.000 dân vào năm 2025 và 3 dược sỹ đại học/10.000 dân vào năm 2030. Duy trì 100% trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sỹ làm việc.

3.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực y tế:

- Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh.

- Tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực ngành y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2026 - 2030.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế xây dựng quy chế thu hút nhân lực có trình độ cao phục vụ lâu dài tại đơn vị.

- Phối hợp với các Trường Đại học Y Dược trong nước, đặt hàng đào tạo sau đại học các chuyên ngành y học dự phòng, y học gia đình theo hình thức cầm tay chỉ việc tại tỉnh để triển khai mô hình trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình và nâng cao hiệu quả chất lượng công tác y tế dự phòng.

4. Phát triển chuyên môn, kỹ thuật

Phát triển hài hòa giữa y tế phổ cập và y tế chuyên sâu, giữa y học hiện đại và y học cổ truyền, giữa y tế công lập và ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò nòng cốt.

Các cơ sở khám chữa bệnh chú trọng đến phát triển kỹ thuật mới, kỹ thuật cao và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến, trong đó tuyến tỉnh tập trung triển khai rộng rãi một số kỹ thuật sau: Xạ trị và các kỹ thuật cao trong điều trị ung thư; kỹ thuật ECMO trong cấp cứu và hồi sức tim mạch; phẫu thuật tim mở; phẫu thuật lồng ngực, mạch máu; phẫu thuật thần kinh, cột sống; kỹ thuật can thiệp mạch não, mạch tạng; kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (IVF); huyết học lâm sàng, các kỹ thuật chuyên sâu trong điều trị đột quỵ... Tuyến huyện nâng cao năng lực chẩn đoán xác định bệnh nói chung; thực hiện quản lý, điều trị phần lớn các bệnh không lây nhiễm và triển khai rộng rãi một số kỹ thuật sau: Phẫu thuật cắt tử cung toàn phần, bán phần, mổ lấy thai; kỹ thuật cấp cứu truyền máu và cấp cứu hồi sức sơ sinh; phẫu thuật nội soi ổ bụng, tiết niệu; phẫu thuật kết xương; kỹ thuật Realtime-PCR; kỹ thuật thở máy; phẫu thuật cấp cứu chấn thương...

Các cơ sở khám, chữa bệnh tiếp tục phát triển nâng hạng, nâng cao chất lượng bệnh viện. Từng bước triển khai thực hiện kiểm định độc lập, đánh giá chất lượng dịch vụ, phân hạng bệnh viện theo chất lượng.

Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm và các bệnh liên quan

đến môi trường sống. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phát triển ngang tầm với một số tỉnh thành phố lớn, trong đó có thành lập trung tâm xét nghiệm công nghệ cao và xây dựng Labo xét nghiệm đạt ISO 15189 và đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 3, có khả năng phân lập được vi rút, vi khuẩn.

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã, tập trung vào các nhiệm vụ chính thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Xây dựng mô hình thí điểm trạm y tế tuyến xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phòng khám bác sĩ gia đình.

Phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; định hướng phát triển trung tâm y tế tuyến huyện có đủ năng lực cung ứng các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cơ bản, trong đó quản lý, chăm sóc và điều trị các bệnh không lây nhiễm với chất lượng tốt.

5. Phát triển hạ tầng y tế

5.1. Tiếp tục triển khai và hoàn thành các dự án trong giai đoạn 2021 - 2025:

- Dự án khôi nhà trung tâm, khôi nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của BVĐK tỉnh.

- Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh.

- 11 dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh của các đơn vị: 09 Trung tâm Y tế huyện: Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Yên Dũng, Việt Yên, Lục Ngạn, Yên Thế, Lục Nam, Sơn Động và Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Ung bướu.

- Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (thực hiện giai đoạn 2023 - 2025).

- Dự án xây dựng khu khám chữa bệnh và điều trị dịch vụ tự nguyện Bệnh viện Sản Nhi.

- Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp 22 trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB.

- Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất khoa truyền nhiễm của Trung tâm Y tế các huyện Lục Nam, Tân Yên, Hiệp Hòa, Việt Yên.

- Đầu tư xây mới, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trạm y tế xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 05/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải.

5.2. Các dự án triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030:

* Các dự án đã có trong quy hoạch, kế hoạch của tỉnh:

- Dự án xây dựng mới Bệnh viện Lão khoa sau khi thành lập;
 - Dự án xây dựng mới Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang;
 - Dự án xây dựng mới Trung tâm Cấp cứu 115;
 - Thực hiện một số Dự án đầu tư xây dựng trạm y tế xã, cụ thể: Lục Ngạn 5 trạm y tế (Quý Sơn, Cẩm Sơn, Phượng Sơn, Hồng Giang, Tân Quang); Lạng Giang 3 trạm y tế (Quang Thịnh, Đào Mỹ, Xương Lâm); Yên Thế 5 trạm y tế (Đông Hữu, Tân Sỏi, Xuân Lương, Đông Tiến, Đông Vương); Hiệp Hòa 5 trạm y tế (Ngọc Sơn, Hoàng Thanh, Danh Thắng, Thường Thắng, Hợp Thịnh); Việt Yên 2 trạm y tế (Ninh Sơn, Tụ Lạn); Sơn Động 01 trạm y tế xã Yên Định.
 - Dự án đầu tư mở rộng quy mô Bệnh viện Nội tiết.
 - Dự án đầu tư mở rộng quy mô Bệnh viện Ung bướu (giai đoạn 2).
 - Đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm bệnh nhiệt đới thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh.
 - Tiếp tục đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất khoa truyền nhiễm của Trung tâm Y tế các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lạng Giang, Yên Thế, Yên Dũng.
 - Tiếp tục đầu tư xây mới, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trạm y tế xã/phường/thị trấn còn lại theo Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 05/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh.
- * Đề xuất các triển khai các dự án mới:*
- Dự án xây dựng mới Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp.
 - Dự án đầu tư xây mới Khu điều trị kỹ thuật cao, khám chữa bệnh theo yêu cầu và một số hạng mục phụ trợ (nhà để xe cho nhân viên, bệnh nhân, cantin, nhà ăn, nhà xử lý nước thải, nhà xử lý rác thải, nhà đại thể) thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh.
 - Dự án đầu tư xây mới khoa Dinh dưỡng - Tiết chế thuộc Bệnh viện Phục hồi chức năng.
 - Dự án đầu tư xây mới Khối nhà điều trị nội trú 5 tầng và một số hạng mục phụ trợ của Bệnh viện Phổi.
 - Dự án đầu tư xây mới khu điều trị nội trú 5 tầng của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế.
 - Một số dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất của Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Ung bướu và Trung tâm Y tế các huyện: Sơn Động, Lạng Giang, Tân Yên.

5.3. Đầu tư trang thiết bị:

Tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế có công nghệ hiện đại cho các cơ sở y tế công lập để phát triển kỹ thuật và nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh. Hàng năm, đề xuất ngân sách tỉnh bố trí năm sau cao hơn năm trước từ 10 - 15% để mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế công lập.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị y tế để tăng hiệu quả đầu tư trang thiết bị y tế và chất lượng dịch vụ y tế.

6. Phát triển y tế xã, phường, thị trấn

- Tập trung triển khai chủ trương đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1656/KH-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh và Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế về triển khai thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn, tập trung vào các nhiệm vụ chính thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu: Theo dõi, tư vấn về sức khỏe; chăm sóc giảm nhẹ; phục hồi chức năng; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em; mở rộng phạm vi triển khai quản lý, điều trị ngoại trú một số bệnh không lây nhiễm; lập hồ sơ khám, quản lý sức khỏe cho người dân trên địa bàn. Phấn đấu đến năm 2030, 100% trạm y tế trên địa bàn tỉnh triển khai quản lý, điều trị ngoại trú một số bệnh không lây nhiễm.

- Triển khai xây dựng mô hình thí điểm trạm y tế tuyến xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phòng khám bác sĩ gia đình cùng làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn.

7. Phát triển dân số

- Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu: Giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh, dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng trong phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và tại các cơ sở y tế.

- Thúc đẩy các can thiệp nhằm cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình chuyên môn để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu sản khoa và sơ sinh, trong đó chú trọng đến hoạt động quản lý sức khỏe bà mẹ, trẻ em ở tuyến y tế cơ sở và y tế tư nhân.

- Kiện toàn tổ chức mạng lưới dân số ở cơ sở. Duy trì vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

8. Phát triển dược và kiểm nghiệm

- Phát triển mạng lưới cung ứng thuốc phù hợp với nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng khả năng tiếp cận của người sử dụng. Các cơ sở y tế đảm bảo cung ứng đủ thuốc cho công tác phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân với chất lượng đảm bảo, an toàn và giá cả hợp lý.

- Khuyến khích phát triển và đa dạng hoá các loại hình doanh nghiệp dược nhằm huy động nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc phòng bệnh, chữa bệnh. Chú trọng đến sản xuất dược liệu và thuốc y học cổ truyền. Phân đấu đến năm 2030, có từ 2 đến 5 cơ sở sản xuất thuốc tân dược, dược liệu.

- Quy hoạch phát triển và mở rộng các vùng trồng dược liệu, tập trung các dược liệu quý có giá trị kinh tế cao hoặc có nhu cầu sử dụng lớn như: Cây ba kích (trồng tại các xã Thanh Luận, Tấn Đạo, Cẩm Đàn, Long Sơn thuộc huyện Sơn Động, diện tích từ 100 - 200 ha); cây kim tiền thảo (trồng tại các xã Minh Đức, Việt Tiến thuộc huyện Việt Yên; xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng; xã Tam Di, Nghĩa Phương thuộc huyện Lục Nam, diện tích từ 250 - 450 ha); cây địa liên (trồng tại các xã Tam Di, Bảo Sơn thuộc huyện Lục Nam; xã Hồng Thái huyện Việt Yên; xã Hoàng An, Hoàng Vân, Thanh Vân thuộc huyện Hiệp Hòa, diện tích từ 100 - 150 ha); cây đinh lăng (trồng tại các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Tân Yên, Yên Thế, Lạng Giang, Hiệp Hòa, diện tích từ 400 - 500 ha).

- Xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm của tỉnh đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng thí nghiệm” (GLP).

9. Phát triển thông tin y tế và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế

- Hoàn thiện chuẩn hóa, tích hợp hệ thống thông tin y tế từ tỉnh đến cơ sở; tích hợp, liên thông phần mềm, cơ sở dữ liệu giữa các cơ sở khám chữa bệnh tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu chung của ngành. Xây dựng bệnh viện thông minh tại 70% các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện.

- Đầu tư, nâng cấp thiết bị phục vụ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh như: máy tính, mạng LAN, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, hệ thống chống sét, hệ thống hội chẩn từ xa (Telemedicine)...

- Hoàn thiện và tăng cường khai thác, sử dụng hệ thống phần mềm hồ sơ sức khỏe cá nhân đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện trên 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt từ 50% trở lên; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

10. Đổi mới tài chính và huy động nguồn lực đầu tư

- Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở; hàng năm dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự

phòng. Quan tâm cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập. Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số.

- Tăng cường tính tự chủ tự chịu trách nhiệm của các cơ sở y tế công lập. Đẩy mạnh phương thức nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng và thực hiện cơ chế giá gắn với chất lượng dịch vụ, khuyến khích sử dụng dịch vụ y tế ở tuyến dưới. Áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như quản trị doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa y tế, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế và nâng cao chất lượng dân số. Đa dạng các hình thức hợp tác công - tư, đảm bảo minh bạch, công khai. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Quan tâm vận động các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) và không chính thức triển khai các chương trình, dự án y tế, dân số trên địa bàn tỉnh.

11. Tăng cường phối hợp công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân với các tỉnh trong vùng

- Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện chiến lược “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” trong tình hình mới để cụ thể hóa các mục tiêu tại Kết luận số 352-KL/TUQN-TUBG-TUHD ngày 10/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương về việc triển khai thúc đẩy các biện pháp liên kết vùng giữa 03 tỉnh Quảng Ninh - Bắc Giang - Hải Dương giai đoạn 2022 - 2025.

- Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực y tế dự phòng và an toàn vệ sinh thực phẩm với các tỉnh trong vùng như thông tin về chủ trương, chính sách, biện pháp văn bản chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh và an toàn vệ sinh thực phẩm của các tỉnh; thông báo kịp thời giữa các tỉnh, nhất là các vùng giáp danh nếu có dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới phát sinh hoặc các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, kế hoạch ứng phó của tỉnh và đề xuất biện pháp hỗ trợ liên tỉnh khi cần thiết; thông báo tình hình hàng hóa thực phẩm sản xuất trong nước, nhập khẩu không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm lưu thông trên thị trường tại địa bàn mỗi tỉnh và các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể hoặc có tỷ lệ tử vong cao.

- Về khám chữa bệnh: Xây dựng hệ thống cấp cứu và nâng cao khả năng đáp ứng cấp cứu phục vụ các khu, cụm công nghiệp và dọc tuyến đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn; xây dựng hệ thống khám chữa bệnh vùng (tập trung các chuyên khoa sâu như hồi sức tích cực, can thiệp tim mạch và các bệnh ung bướu) phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn; tăng cường hợp tác về đào tạo, chuyển giao kỹ thuật về các chuyên khoa: Nội, ngoại, sản, nhi, mắt, chẩn đoán hình ảnh, quản lý bệnh viện, phục hồi chức năng, y học cổ truyền, quản lý và điều trị các bệnh không lây nhiễm; hợp tác đầu tư trong việc khuyến khích phát triển các bệnh viện tư nhân.

- Hợp tác về đào tạo cán bộ quản lý và đào tạo cán bộ chuyên môn y tế bằng nhiều hình thức như: Đào tạo tại chỗ chuyển giao kỹ thuật, gửi cán bộ đến

tỉnh bạn học tập, hợp đồng với các trường đại học y, được tổ chức các khóa đào tạo riêng cho các tỉnh trong vùng như các lớp đào tạo bác sỹ, dược sỹ chuyên khoa I, II, thạc sỹ, bác sỹ gia đình...

- Tổ chức các đoàn trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các tỉnh trong vùng về công tác quản lý y, dược, chuyên môn khám chữa bệnh, phòng bệnh, an toàn thực phẩm, tài chính y tế, bảo hiểm y tế, mô hình hệ thống y tế cơ sở, quản lý và điều trị các bệnh không lây nhiễm, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, dân số kế hoạch hóa gia đình, xã hội hóa y tế.

(Chi tiết tại Phụ lục số II, III, IV, V, VI kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về Sở Y tế theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế

Tham mưu lãnh đạo Sở chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

Tham mưu Giám đốc Sở Y tế các nhiệm vụ, giải pháp về huy động nguồn lực tài chính, huy động vốn đầu tư, bảo đảm quỹ đất phát triển hạ tầng y tế để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

3. Phòng Tổ chức - Hành chính, Sở Y tế

Tham mưu xây dựng và phát triển mạng lưới các cơ sở y tế; sử dụng và quản lý có hiệu quả nguồn nhân lực y tế; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân; phối hợp với các tỉnh trong Vùng trong công tác đào tạo cán bộ quản lý và đào tạo cán bộ chuyên môn y tế bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ chuyên giao kỹ thuật, gửi cán bộ đến tỉnh bạn học tập, hợp đồng với các trường đại học y, dược tổ chức các khóa đào tạo riêng cho các tỉnh trong vùng như các lớp đào tạo bác sỹ, dược sỹ chuyên khoa I, II, thạc sỹ, bác sỹ gia đình...

Tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính của toàn ngành y tế.

4. Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế

Chủ trì, tham mưu triển khai các nhiệm vụ giải pháp phát triển chuyên môn kỹ thuật trong khám chữa bệnh, phục hồi chức năng; nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; vệ sinh môi trường; sức khỏe nghề nghiệp; các hoạt động chuyên môn dân số - kế hoạch hóa gia đình... trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu xây dựng và triển khai các hoạt động phối hợp với các tỉnh trong Vùng để nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số kế hoạch hóa gia đình.

5. Phòng Nghiệp vụ Dược, Sở Y tế

Chủ trì, tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển mạng lưới cung ứng thuốc, kiểm nghiệm thuốc, quản lý và sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế; đảm bảo cung ứng đủ thuốc cho công tác phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân với chất lượng đảm bảo, an toàn và giá cả hợp lý; phát triển mở rộng các vùng trồng dược liệu trên địa bàn tỉnh; phát triển các cơ sở sản xuất dược liệu và thuốc y học cổ truyền.

6. Phòng Quản lý hành nghề y dược tư nhân, Sở Y tế

Chủ trì, tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở y tế ngoài công lập; các giải pháp phát triển y tế ngoài công lập đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở y tế, các cơ sở kinh doanh dược, người hành nghề y, dược trên địa bàn tỉnh.

7. Phòng Y tế các huyện, thành phố

Căn cứ Kế hoạch này và chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu UBND huyện, thành phố các chương trình, kế hoạch để phát triển hệ thống y tế trên địa bàn trong giai đoạn 2021 - 2030 đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo về Sở Y tế (Phòng Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở Y tế xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (p/h);
- UBND các huyện, thành phố (p/h);
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Phòng Y tế các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Từ Quốc Hiệu

Phụ lục I

CHỈ TIÊU Y TẾ CƠ BẢN ĐẾN NĂM 2030

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2030	Ghi chú
1	Số bác sĩ/10.000 dân	BS/10.000 dân	12,5	15	
2	Số dược sĩ đại học/10.000 dân	DS/10.000 dân	2,8	3	
3	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ làm việc	%	100	100	
4	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có hộ sinh hoặc YSSN	%	100	100	
5	Tổng số giường bệnh/10.000 dân (<i>không tính giường TYT xã và PKĐKKV</i>), bao gồm:	GB/10.000 dân	35,1	40	
	- Số giường bệnh công lập/10.000 dân	GB/10.000 dân	28,9	30,9	
	- Số giường bệnh ngoài công lập/10.000 dân	GB/10.000 dân	6,2	9,1	
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	≥ 97	≥ 97	
7	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	> 99	> 99	
8	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	≤ 13	≤ 10,5	
9	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	≤ 19	≤ 15	
10	Tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản	BM/100.000 trẻ đẻ sống	≤ 35	30	
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân)	%	10,5	≤ 9	
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể thấp còi)	%	21,5	≤ 19	
13	Dân số trung bình	Người	1.982.430	2.326.790	
14	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,13	1,1	
15	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	115	111	
16	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,05	0,05	
17	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74,5	75	

Phụ lục II**QUY MÔ GIƯỜNG BỆNH CỦA CÁC CƠ SỞ Y TẾ ĐẾN NĂM 2030**

STT	Cơ sở y tế công lập/ngoài công lập	Đơn vị		
			Năm 2025	Năm 2030
I	Giường bệnh công lập	Giường	5.720	7.180
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	"	1.200	1.500
2	Bệnh viện Sản - Nhi	"	700	800
3	Bệnh viện PHCN	"	200	250
4	Bệnh viện YHCT	"	200	250
5	Bệnh viện Phổi	"	270	300
6	Bệnh viện Tâm thần	"	150	180
7	Bệnh viện Nội tiết	"	150	200
8	Bệnh viện Ung bướu	"	300	500
9	TTYT huyện Sơn Động	"	180	200
10	TTYT huyện Lục Ngạn	"	320	350
11	TTYT huyện Lục Nam	"	300	350
12	TTYT huyện Lạng Giang	"	200	250
13	TTYT huyện Yên Thế	"	250	300
14	TTYT huyện Tân Yên	"	300	350
15	TTYT huyện Hiệp Hòa	"	350	400
16	TTYT huyện Việt Yên	"	250	300
17	TTYT huyện Yên Dũng	"	250	300
18	Bệnh viện Lão khoa	"	150	300
19	TTYT thành phố Bắc Giang	"	0	100
II	Giường bệnh ngoài công lập	Giường	1.231	2.131
III	Tổng giường bệnh toàn tỉnh (I + II)	Giường	6.951	9.311
IV	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	35,1	40

Phụ lục III

**ĐỀ XUẤT DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Y TẾ CÔNG LẬP
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

STT	Danh mục đề xuất đầu tư	Giai đoạn 2021-2025 (tỷ đồng)	Giai đoạn 2026-2030 (tỷ đồng)
	TỔNG	3.110	2.406
A	DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ XÂY MỚI	2.716	2.032
I	Bệnh viện Đa khoa tỉnh		
1	Dự án khôi nhà trung tâm, khôi nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của BVĐK tỉnh	710	
2	Dự án đầu tư xây mới Khu điều trị kỹ thuật cao, khám chữa bệnh theo yêu cầu và một số hạng mục phụ trợ (nhà để xe cho nhân viên, bệnh nhân, cantin, nhà ăn, nhà xử lý nước thải, nhà xử lý rác thải, nhà đại thể) (*)		436
II	Bệnh viện Sản Nhi		
	Dự án xây dựng khu khám chữa bệnh và điều trị dịch vụ tự nguyện Bệnh viện Sản Nhi	90	
III	Bệnh viện Phục hồi chức năng		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện PHCN (Khối điều trị nội trú và khu tập luyện vận động 3 tầng)	102	
2	Xây mới khoa Dinh dưỡng - Tiết chế (*)		3,8
IV	Bệnh viện Y học cổ truyền		
	Đầu tư xây mới Khu nhà hành chính, khoa khám bệnh, cận lâm sàng, khoa kiểm soát nhiễm khuẩn và một số hạng mục phụ trợ (*)		282
V	Bệnh viện Phổi		
	Đầu tư xây mới Khối nhà điều trị nội trú 5 tầng và một số hạng mục phụ trợ (*)		135
VI	Bệnh viện Nội tiết		
	Đầu tư mở rộng quy mô Bệnh viện Nội tiết: Xây mới khối nhà điều trị nội trú 7 - 8 tầng		150
VII	Bệnh viện Ung bướu		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh BV Ung bướu (01 khối nhà 8 tầng cho các khoa: ngoại 1, ngoại 2, phẫu thuật gây mê hồi sức, khu xạ hình xương và Iốt phóng xạ, hành chính)	150	
2	Đầu tư mở rộng quy mô Bệnh viện Ung bướu (giai đoạn 2): Xây mới khối nhà điều trị nội trú 7 - 8 tầng		150
VIII	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh		
	Xây dựng mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tại vị trí Khu số 4 khu vực phía Tây thành phố Bắc Giang (thuộc xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang)	186	

STT	Danh mục đề xuất đầu tư	Giai đoạn 2021-2025 (tỷ đồng)	Giai đoạn 2026-2030 (tỷ đồng)
IX	Trung tâm Y tế huyện Sơn Động		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Sơn Động (khối nhà điều trị nội trú 5 tầng)	80	
2	Xây mới Khoa Truyền nhiễm (**)		19,2
X	Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Lục Ngạn (khối nhà khoa khám bệnh và điều trị nội trú 7 tầng)	140	
2	Xây mới Khoa Truyền nhiễm (**)		28,8
XI	Trung tâm Y tế huyện Lục Nam		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Lục Nam (khối nhà điều trị nội trú và cận lâm sàng 7 tầng)	134	
2	Xây mới Khoa Truyền nhiễm (**)	28,8	
XII	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Lạng Giang (nhà hành chính và điều trị nội trú 7 tầng)	118	
2	Xây mới khoa khám bệnh và khoa cận lâm sàng TTYT huyện Lạng Giang	120	
3	Xây mới Khoa Truyền nhiễm (**)		19,2
XIII	Trung tâm Y tế huyện Yên Thế		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Yên Thế (Khoa khám bệnh và cận lâm sàng 7 tầng)	120	
2	Xây mới Khoa Truyền nhiễm (**)		24
3	Đầu tư xây mới khu điều trị nội trú 5 tầng (*)		80
XIV	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Tân Yên (Khoa khám bệnh và điều trị nội trú 7 tầng)	148,6	
2	Xây mới Khoa Truyền nhiễm (**)	28,8	
3	Xây mới Khối nhà điều trị ngoại trú bệnh không lây nhiễm TTYT huyện Tân Yên	7,2	
XV	Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Hiệp Hòa (Khối hành chính và điều trị nội trú 9 tầng)	171,3	
2	Xây mới Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn TTYT huyện Hiệp Hòa	9	
3	Xây mới Khoa Truyền nhiễm (**)	33,6	
XVI	Trung tâm Y tế huyện Việt Yên		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Việt Yên (Khối nhà khoa khám bệnh và điều trị nội trú 7 tầng)	165	

STT	Danh mục đề xuất đầu tư	Giai đoạn 2021-2025 (tỷ đồng)	Giai đoạn 2026-2030 (tỷ đồng)
2	Xây mới Khoa Truyền nhiễm (**)	24	
XVII	Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng		
1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh TTYT huyện Yên Dũng (Khối điều trị nội trú và phẫu thuật gây mê hồi sức 8 tầng)	150	
2	Xây mới Khoa Truyền nhiễm (**)		24
XVIII	Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang		
	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang 100 giường bệnh tại Khu đất phía nam thành phố Bắc Giang để xây dựng mới Trung tâm Y tế thành phố đa chức năng		150
XIX	Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp		
	Xây mới Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp (*)		120
XX	Xây dựng mới Bệnh viện Lão khoa		380
XXI	Xây mới Trung tâm cấp cứu 115 tại vị trí Khu số 4 khu vực phía Tây thành phố Bắc Giang (thuộc xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang).		30
B	DANH MỤC ĐỀ XUẤT CẢI TẠO, SỬA CHỮA, NÂNG CẤP	393,4	374,1
I	Bệnh viện Đa khoa tỉnh		
1	Cải tạo, sửa chữa các khối nhà điều trị nội trú, khoa khám bệnh, dinh dưỡng, nhà kho và các hạng mục phụ trợ của bệnh viện (*)		262
II	Bệnh viện Sản Nhi		
	Cải tạo, sửa chữa các khối nhà điều trị nội trú và kỹ thuật Bệnh viện Sản Nhi	120	
III	Bệnh viện Phục hồi chức năng		
	Cải tạo, sửa chữa khu kỹ thuật hành chính nghiệp vụ và khoa kiểm soát nhiễm khuẩn (*)		6,5
IV	Bệnh viện Y học cổ truyền		
1	Cải tạo sửa chữa khu nhà A2 (3 tầng) (*)		14,4
V	Bệnh viện Phổi		
	Cải tạo, sửa chữa khối nhà A, E, F, I, B, dinh dưỡng Bệnh viện Phổi	24	
VI	Bệnh viện Tâm thần		
	Cải tạo sửa chữa khu nhà điều trị nội trú và một số hạng mục phụ trợ (*)		5
VII	Bệnh viện Ung bướu		
	Cải tạo, nâng cấp Khoa khám bệnh; dải asphalt đường đi xung quanh khuôn viên bệnh viện (*)		4,4
VIII	Trung tâm Kiểm nghiệm		

STT	Danh mục đề xuất đầu tư	Giai đoạn 2021-2025 (tỷ đồng)	Giai đoạn 2026-2030 (tỷ đồng)
	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp khối nhà chuyên môn (*)	23	
IX	Trung tâm Y tế huyện Sơn Động		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà điều trị 3 tầng, khu chạy thận nhân tạo	24	
2	Cải tạo, sửa chữa khối nhà điều trị nội trú, nhà hành chính, dinh dưỡng, phòng khám và các hạng mục phụ trợ (*)		67
X	Trung tâm Y tế huyện Lục Nam		
	Sửa chữa, nâng cấp phòng mổ, siêu âm, chụp X-Quang, phòng đẻ, xét nghiệm, công trình phụ trợ -TTYT huyện Lục Nam	26	
XI	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang		
	Cải tạo, sửa chữa khoa Dược - Trang thiết bị y tế (*)		4,8
XII	Trung tâm Y tế huyện Yên Thế		
	Cải tạo sửa chữa, nâng cấp TTYT huyện Yên Thế: Nhà KCB ngoại trú + khối hành chính, nhà khoa hồi sức cấp cứu, nhà khoa Ngoại + Chuyên khoa, Nhà khoa Nội, nhà khoa Dược, nhà khoa Truyền nhiễm, nhà xử lý rác thải, nhà khối dự phòng và Phòng khám đa khoa khu vực Mỏ Trạng	56	
XIII	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên		
	Cải tạo sửa chữa khối nhà cận lâm sàng, kiểm soát nhiễm khuẩn, dinh dưỡng và các hạng mục phụ trợ khác (*)		10
XIV	Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa		
	Cải tạo, sửa chữa khoa nội, khoa dược, khoa đông y; Nhà hành chính, khoa nhi - HSCC, Khoa khám bệnh, các phòng chức năng - TTYT huyện Hiệp Hòa	56	
XV	Trung tâm Y tế huyện Việt Yên		
	Cải tạo, sửa chữa nhà khoa khám bệnh, truyền nhiễm và một số khoa điều trị nội trú - TTYT huyện Việt Yên	36	
XVI	Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng		
	Cải tạo, nâng cấp khoa khám bệnh và cận lâm sàng TTYT huyện Yên Dũng	24	
XVII	Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải		
	Cải tạo, sửa chữa khối nhà phòng khám (*)	4,4	

Ghi chú:

(*): Danh mục chưa có trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(**): Danh mục đã có trong Kế hoạch 417/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 05/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Phụ lục IV**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Y TẾ
NGOÀI CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Ghi chú
1	Huyện Sơn Động		
1.1	Cơ sở y tế Tây Yên Tử (cơ sở số 1)	Thị trấn Tây Yên Tử	
2	Huyện Lục Ngạn		
2.1	Cơ sở y tế tư nhân số 2 (BVĐK Bắc Thăng Long)	Thôn Hựu, xã Trù Hựu	
2.2	Cơ sở y tế tư nhân số 3	Thôn Áp, xã Tân Quang	
2.3	Cơ sở y tế tư nhân số 4	Thôn Chả, xã Phong Vân	
3	Huyện Lạng Giang		
3.1	Cơ sở y tế tư nhân số 5	Phía Tây thị trấn Vôi	
3.2	Cơ sở y tế tư nhân số 6	Thôn Đồng 2, thị trấn Kép	
3.3	Cơ sở y tế tư nhân số 7	Thôn Sâu, xã Nghĩa Hòa	
3.4	Cơ sở y tế tư nhân số 8	Thôn Nguyên, xã Mỹ Thái	
3.5	Cơ sở y tế tư nhân số 9	Thôn Lái, xã Đại Lâm	
4	Huyện Yên Thế		
4.1	Cơ sở y tế tư nhân số 10	Thị trấn Phồn Xương	
4.2	Cơ sở y tế tư nhân số 11	Mỏ Trạng, xã Tam Tiến	
4.3	Cơ sở y tế tư nhân số 12	Làng Dưới, xã Xuân Lương	
5	Huyện Tân Yên		
5.1	Cơ sở y tế tư nhân số 13	Thôn Lý Cốt, xã Phúc Sơn	
5.2	Cơ sở y tế tư nhân số 14	Tân Quang, thị trấn Nhã Nam	
5.3	Cơ sở y tế tư nhân số 15	Tiền Đình, xã Quế Nham	
5.4	Cơ sở y tế tư nhân số 16	Đồng Nội, xã Ngọc Vân	
5.5	Cơ sở y tế tư nhân số 17	Cầu Càn, xã Việt Lập	
6	Huyện Hiệp Hòa		
6.1	Cơ sở y tế tư nhân số 18	Xã Bắc Lý	
6.2	Cơ sở y tế tư nhân số 19	Bách Nhãn, xã Hùng Sơn	
6.3	Cơ sở y tế tư nhân số 20	Tam Hợp, xã Thanh Vân	
7	Huyện Việt Yên		
7.1	Cơ sở y tế tư nhân số 21	Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nénh	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Ghi chú
7.2	Cơ sở y tế tư nhân số 22	Thôn Ngân Đài, xã Minh Đức	
7.3	Cơ sở y tế tư nhân số 23	Thôn Cao Lôi, xã Ninh Sơn	
7.4	Cơ sở y tế tư nhân số 24	Thôn Dục Quang, thị trấn Bích Động	
7.5	Cơ sở y tế tư nhân số 25	Khu B, Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ	
8	Huyện Yên Dũng		
8.1	Cơ sở y tế tư nhân số 26	Thị trấn Tân An	
8.2	Cơ sở y tế tư nhân số 27	Thị trấn Nham Biền	
8.3	Cơ sở y tế tư nhân số 28	Xã Đức Giang	
8.4	Cơ sở y tế tư nhân số 29	Xã Hương Gián	
8.5	Cơ sở y tế tư nhân số 30	Xã Tiên Phong	
9	Thành phố Bắc Giang		
9.1	Các cơ sở y tế tại khu quy hoạch đất y tế tư nhân và cơ sở y tế khác (số 31)	Khu số 4, phía Tây thành phố Bắc Giang (Xã Tân Mỹ)	
10	Huyện Lục Nam		
10.1	Cơ sở y tế tư nhân số 32	Thôn An Phú, xã Khám Lạng	
10.2	Cơ sở y tế tư nhân số 33	Thôn Quỳnh, xã Nghĩa Phương	

Phụ lục V
NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP ĐẾN NĂM 2030

STT	Tên đơn vị	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)	
	TỔNG		68,57	42,94	25,63	
I	Nhu cầu sử dụng đất tại vị trí hiện có		59,42	42,94	16,48	
1	Văn phòng Sở Y tế	Đường Hùng Vương, thành phố Bắc Giang	0,16	0,16	0	
2	Chi cục Dân số - KHHGD	Đường Ngô Gia Tự, thành phố Bắc Giang	0,11	0,11	0	
3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Đường Ngô Gia Tự, thành phố Bắc Giang	0	0	0	
4	Trung tâm Kiểm nghiệm	Số 190 Nguyễn Văn Mẫn, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang	0,075	0,075	0	
5	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Đường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang	3,6	3,6	0	Đang đề xuất chủ trương bổ sung thêm khu đất của Ban Tuyên giáo và Ban Tổ chức Tỉnh ủy
6	Bệnh viện Sản - Nhi (*)	Dĩnh Kế, đường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang	3,6	2,7	0,88	Đang đề xuất chủ trương bổ sung thêm 0,88 ha khu đất quanh đường vành đai của Bệnh viện
7	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Km số 5, xã Quế Nham, huyện Tân Yên	3,0	3,0	0	
8	Bệnh viện Y học cổ truyền	Khu sân bóng Công ty Đạm Hà Bắc, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang	1,35	0,7	0,65	
9	Bệnh viện Phổi	Xã Song Mai, thành phố Bắc Giang	2,1	2,1	0	
10	Bệnh viện Tâm thần	Xã Song Mai, thành phố Bắc Giang	1,2	1,2	0	
11	Bệnh viện Nội tiết	Thôn Mỹ Cầu, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	3	2	1	

STT	Tên đơn vị	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)	
12	Bệnh viện Ung bướu	Thôn Mỹ Cầu, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	5,7	3,3	2,4	
13	Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	Thôn Thượng 2, xã An Châu, huyện Sơn Động	3,4	2,4	1	
14	Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn	Minh Khai, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn	4,3	4,3	0	
15	Trung tâm Y tế huyện Lục Nam	Thôn Thân Phú, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam (cạnh TTYT)	3,6	2,1	1,5	
16	Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang	Xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang (cạnh TTYT)	5,8	2,3	3,5	
17	Trung tâm Y tế huyện Yên Thế	Phố Cả Trống, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế	2,8	2,8	0	
18	Trung tâm Y tế huyện Tân Yên	Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên (cạnh TTYT)	5,2	3,2	2	
19	Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	Khu 5, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa	2,4	2,4	0	
20	Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	Khu I, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	6,3	2,8	3,5	
21	Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng	Tiểu khu 5, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng	1,72	1,68	0,04	
22	Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải (*)	Số 11, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang	0,027	0,021	0,006	
II	Nhu cầu chuyển vị trí mới		4,85	0	4,85	
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Khu số 4 khu vực phía Tây thành phố Bắc Giang (xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang)	1,35	0	1,35	
2	Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang	Khu 8, Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang (xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang)	1,5	0	1,5	
3	Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp tỉnh (*)	Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	2,0	0	2,0	
III	Quy hoạch mới		4,3	0	4,3	

STT	Tên đơn vị	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)	
1	Bệnh viện Lão khoa	Khu đất dự án BVĐK tỉnh 800 giường (cũ) Thôn Mỹ Cầu, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	4	0	4	
2	Trung tâm Cấp cứu 115	Khu số 4 khu vực phía Tây thành phố Bắc Giang (xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang)	0,3	0	0,3	

Ghi chú:

(*): Danh mục chưa có trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phụ lục VI

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CÁC CƠ SỞ Y TẾ NGOÀI CÔNG LẬP ĐẾN NĂM 2030

STT	Tên đơn vị	Địa điểm	Quy hoạch tổng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)	
	Tổng		119,503	5,490	114,013	
I	Duy trì mở rộng		12,4	5,5	6,9	
1	BVĐK Sông Thương	Số 258 Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang	0,3	0,3	0,0	
2	Bệnh viện YHCT LAN Q	25 Á Lữ, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang	4,6	0,2	4,4	
3	BVĐK Sơn Uyên	25- 27 Lý Thường Kiệt, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa	1,1	0,9	0,2	
4	BVĐK quốc tế Hà Nội - Bắc Giang	Tổ 10, Phú Mỹ 2, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang	2,2	2,2	0,0	
5	Bệnh viện chuyên khoa Mắt quốc tế DND - Bắc Giang	Đường Bàn Bá Lân, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang	0,7	0,7	0,0	
6	BVĐK Hùng Cường	108 Tuệ Tĩnh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa	1,0	0,2	0,8	
7	BVĐK tư nhân Tân Dân	Xã Tân An, huyện Yên Dũng	0,8	0,3	0,5	
8	BVĐK Anh Quát	Khu Đồi Đò, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	0,19	0,19	0,0	
9	Cơ sở y tế tư nhân (BVĐK Ngọc Thiện)	Thôn Bi, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên	1,5	0,5	1,0	
II	Quy hoạch mới		107,1	0,0	107,1	

STT	Tên đơn vị	Địa điểm	Quy hoạch tổng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)	
1	Huyện Sơn Động		5,0	0,0	5,0	
1.1	Cơ sở y tế Tây Yên Tử (cơ sở số 1)	Thị trấn Tây Yên Tử	5,0	0,0	5,0	
2	Huyện Lục Ngạn		7,2	0,0	7,2	
2.1	Cơ sở y tế tư nhân số 2 (BVĐK Bắc Thăng Long)	Thôn Hựu, xã Trù Hựu	1,2	0,0	1,2	
2.2	Cơ sở y tế tư nhân số 3	Thôn Áp, xã Tân Quang	3,0	0,0	3,0	
2.3	Cơ sở y tế tư nhân số 4	Thôn Chả, xã Phong Vân	3,0	0,0	3,0	
3	Huyện Lạng Giang		11,0	0,0	11,0	
3.1	Cơ sở y tế tư nhân số 5	Phía Tây thị trấn Vôi	2,5	0,0	2,5	
3.2	Cơ sở y tế tư nhân số 6	Thôn Đồng 2, thị trấn Kép	2,5	0,0	2,5	
3.3	Cơ sở y tế tư nhân số 7	Thôn Sâu, xã Nghĩa Hòa	2,0	0,0	2,0	
3.4	Cơ sở y tế tư nhân số 8	Thôn Nguyên, xã Mỹ Thái	2,0	0,0	2,0	
3.5	Cơ sở y tế tư nhân số 9	Thôn Lái, xã Đại Lâm	2,0	0,0	2,0	
4	Huyện Yên Thế		6,0	0,0	6,0	
4.1	Cơ sở y tế tư nhân số 10	Thị trấn Phồn Xương	2,0	0,0	2,0	
4.2	Cơ sở y tế tư nhân số 11	Mỏ Trạng, xã Tam Tiến	2,0	0,0	2,0	
4.3	Cơ sở y tế tư nhân số 12	Làng Dưới, xã Xuân Lương	2,0	0,0	2,0	
5	Huyện Tân Yên		10,0	0,0	10,0	

STT	Tên đơn vị	Địa điểm	Quy hoạch tổng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)	
5.1	Cơ sở y tế tư nhân số 13	Thôn Lý Cốt, xã Phúc Sơn	1,0	0,0	1,0	
5.2	Cơ sở y tế tư nhân số 14	Tân Quang, thị trấn Nhã Nam	2,0	0,0	2,0	
5.3	Cơ sở y tế tư nhân số 15	Tiền Đình, xã Quế Nham	3,0	0,0	3,0	
5.4	Cơ sở y tế tư nhân số 16	Đồng Nội, xã Ngọc Vân	2,0	0,0	2,0	
5.5	Cơ sở y tế tư nhân số 17	Cầu Càn, xã Việt Lập	2,0	0,0	2,0	
6	Huyện Hiệp Hòa		9,0	0,0	9,0	
6.1	Cơ sở y tế tư nhân số 18	Xã Bắc Lý	4,0	0,0	4,0	
6.2	Cơ sở y tế tư nhân số 19	Bách Nhãn, xã Hùng Sơn	3,0	0,0	3,0	
6.3	Cơ sở y tế tư nhân số 20	Tam Hợp, xã Thanh Vân	2,0	0,0	2,0	
7	Huyện Việt Yên		8,933	0,0	8,933	
7.1	Cơ sở y tế tư nhân số 21	Thôn Ninh Khánh, thị trấn Nếnh	2,0	0,0	2,0	
7.2	Cơ sở y tế tư nhân số 22	Thôn Ngân Đài, xã Minh Đức	3,0	0,0	3,0	
7.3	Cơ sở y tế tư nhân số 23	Thôn Cao Lôi, xã Ninh Sơn	3,0	0,0	3,0	
7.4	Cơ sở y tế tư nhân số 24	Thôn Dục Quang, thị trấn Bích Động	0,575	0,0	0,575	
7.5	Cơ sở y tế tư nhân số 25	Khu B, Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ	0,358	0,0	0,358	
8	Huyện Yên Dũng		11,3	0,0	11,3	
8.1	Cơ sở y tế tư nhân số 26	Thị trấn Tân An	1,7	0,0	1,7	

STT	Tên đơn vị	Địa điểm	Quy hoạch tổng diện tích đất đến năm 2030 (ha)	Trong đó:		Ghi chú
				Diện tích đất hiện có (ha)	Diện tích đất cần bổ sung (ha)	
8.2	Cơ sở y tế tư nhân số 27	Thị trấn Nham Biền	2,0	0,0	2,0	
8.3	Cơ sở y tế tư nhân số 28	Xã Đức Giang	3,0	0,0	3,0	
8.4	Cơ sở y tế tư nhân số 29	Xã Hương Gián	2,9	0,0	2,9	
8.5	Cơ sở y tế tư nhân số 30	Xã Tiên Phong	1,7	0,0	1,7	
9	Thành phố Bắc Giang		30,68	0,0	30,68	
9.1	Các cơ sở y tế tại khu quy hoạch đất y tế tư nhân và cơ sở y tế khác (số 31)	Khu số 4, phía Tây thành phố Bắc Giang (Xã Tân Mỹ)	30,68	0,0	30,68	
10	Huyện Lục Nam		8,0	0,0	8,0	
10.1	Cơ sở y tế tư nhân số 32	Thôn An Phú, xã Khám Lạng	5,0	0,0	5,0	
10.2	Cơ sở y tế tư nhân số 33	Thôn Quỳnh, xã Nghĩa Phương	3,0	0,0	3,0	